**CÂU HỎI ÔN TẬP MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN.**

**CHƯƠNG 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG**

***Câu 1:*** **Sản xuất hàng hóa là gì? Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa? .**

***Câu 2:*** **Hàng hóa là gì ? Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa? Ý nghĩa thực tiễn của lý luận hàng hóa đối với thực tiễn nền kinh tế Việt Nam hiện nay?**

***Câu 3:*** **Lượng giá trị là gì ? Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa?**

***Câu 4:*** **Phân tích tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa?Ý nghĩa của phát hiện này đối với việc xây dựng lý luận giá trị lao động?**

***Câu 5:*** **Phân tích nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ?**

***Câu 6:*** **Phân tích nội dung (yêu cầu), tác dụng của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hoá giản đơn.? Ý nghĩa của vấn đề này đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay?**

**CHƯƠNG 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

**CÂU 1: Vì sao K.Marx gọi T – H – T’ là công thức chung của tư bản?. Phân tích mâu thuẫn công thức chung. Vì sao nghiên cứu hàng hóa sức lao động là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản.**

**CÂU 2:Tư bản là gì? Thế nào là nhà tư bản?. Theo Karl Marx, nhà tư bản khác với tiểu tư sản ở điểm nào?**

**CÂU 3: Giá trị thặng dư TBCN là gì? Nguồn gốc giá trị thặng dư theo K. Marx? Biểu hiện của giá trị thặng dư trong CNTB?**

**CÂU 4: Tiền công là gì? Tại sao tiền công không phải là giá cả của lao động? Vì sao tiền công xóa bỏ mọi vết tích phân chia lao động trả công và lao động không công?**

**CÂU 5: Tuần hoàn, chu chuyển tư bản là gì? Tốc độ chu chuyển tư bản và Ý nghĩa của việc nghiên cứu chu chuyển tư bản?**

**CÂU 6: Tư bản bất biến, tư bản khả biến là gì? Mối quan hệ giữa tư bản bất biến, tư bản khả biến với tư bản cố định, tư bản lưu động. Ý nghĩa của việc nghiên cứu các cặp tư bản trên.**

**CÂU 7: Địa tô TBCN là gì? Địa tô TBCN khác địa tô phong kiến như thế nào? Trình bày các loại địa tô TBCN***.*

**CHƯƠNG 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM**

**Câu 1: Khái niệm kinh tế thị trường ? Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ? Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.**

**Câu 2: Trình bày những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ? Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.**

**Câu 3: Khái niệm lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích kinh tế ?. Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế?.**

**Câu 4: Các quan hệ lợi ích chủ yếu trong nền kinh tế thị trường ? Sự thống nhất và mâu thuẩn trong các quan hệ lợi ích kinh tế. Vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích ?**

**Câu 5 : Khái niệm thể chế kinh tế ? Một số hạn chế trong thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ?. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN.**

**CHƯƠNG 6 : CNH- HĐH . HỘI NHẬP QT**

**CÂU 1. Phân tích tính tất yếu khách quan của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam? Các tác động tích cực và tồn tại của hội nhập kinh tế quốc tế?**

**CÂU 2. Phân tích các mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu trên thế giới? Liên hệ trường hợp của Việt Nam hiện nay?**

**CÂU 3. Thế nào là cách mạng công nghiệp? Trình bày và phân tích các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới đã diễn ra trong lịch sử nhân loại? Liên hệ với VN hiện nay trong phát triển kinh tế xã hội**

**CÂU 4. Phân tích vai trò của cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển? Anh/chị hiểu gì về cuộc CMCN lần thứ tư (CMCN 4.0) hiện đang diễn ra trên thế giới và VN?**

**CÂU 5. Nội dung và tác động của hội nhập KTQT đến sự phát triển của Việt Nam? Nêu và trình bày sơ bộ về các tổ chức quốc tế mà VN đã gia nhập?**

**CÂU 6. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là gì ? Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa? Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã ảnh hưởng như thế nào đến đời sống xã hội ở VN?**

**CÂU 9. Tại sao Việt Nam phải tiến hành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa? Các ảnh hưởng của nó đến thị trường lao động trong nước?**

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

***CHƯƠNG 2***

***Câu 1:*** **Sản xuất hàng hóa là gì? Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa? Những ưu thế của sản xuất hàng hóa so với kinh tế tự nhiên?**

KN: Sản xuất hàng hoá là kiểu tổ chức kinh tế mà ở đó sản phẩm được sản xuất ra để trao đổi hoặc bán trên thị trường.

ĐK ra đời:

* Phân công lao động xã hội
* Sự tách biệt về mặt kinh tế của những người sản xuất

Ưu thế:

* Khai thác được lợi thế về tự nhiên, kỹ thuật…thúc đẩy phân công lao động xã hội phát triển
* Không bị giới hạn bởi nhu cầu và nguồn lực hạn hẹp
* Thúc đẩy sự phát triển của LLSX
* Là nền kinh tế mở. Thúc đẩy sự giao lưu trên mọi măt của đời sống xã hội

***Câu 2:*** **Hàng hóa là gì? Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa?Ý nghĩa thực tiễn của lý luận hàng hóa đối với thực tiễn nền kinh tế Việt Nam hiện nay?**

KN: Hàng hoá là sản phẩm của lao động có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người và dùng để trao đổi với nhau.

Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa

* Giá trị sử dụng
* Giá trị hàng hoá:

Ý nghĩa

* Đẩy mạnh phân công LĐXH để phát triển KTHH đáp ứng nhu cầu đa dạng phong phú của xã hội
* Phải coi trọng cả hai thuộc tính của HH để không ngừng cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng, hạ giá thành.

***Câu 3:*** **Lượng giá trị là gì? Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa?**

*Lượng giá trị và thời gian lao động xã hội cần thiết*

Thời gian lao động cá biệt

Thời gian lao động xã hội cần thiết

*Các nhân tố ảnh hưởng tới lượng giá trị hàng hoá:*

*Một là,* lượng giá trị hàng hoá thay đổi do tác động của năng suất lao động

*Hai là,* cường độ lao động

*Ba là,* lượng giá trị hàng hóa, phụ thuộc vào tính chất của lao động, đó là: lao động giản đơn và lao động phức tạp

***Câu 4:*** **Phân tích tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa?Ý nghĩa của phát hiện này đối với việc xây dựng lý luận giá trị lao động?**

\* Tính chất 2 mặt của lao động sản xuất hàng hóa

- Lao động cụ thể

KN

Đặc trưng của LĐCT

- Lao động trừu tượng

KN

Đặc trưng của LĐTT

\* Ý nghĩa:

- Xác định được chất của giá trị là do lao động trừu tượng kết tinh, biểu hiện quan hệ xã hội và là một phạm trù lịch sử ,xác định được lượng của giá trị là lượng lao động trung bình hay thời gian lao động xã hội cần thiết

- Xác định được qui luật giá trị là qui luật kinh tế cơ bản của sxhh. Qui luật này đòi hỏi người sản xuất và trao đổi hàng hóa phải đảm bảo thời gian lao động xã hội cần thiết

***Câu 5:*** **Phân tích nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ?**

\*Nguồn gốc của tiền tệ

Để tìm hiểu nguồn gốc của tiền tệ, ta hãy xem xét quá trình phát triển của các hình thái biểu hiện của giá trị:

Đầu tiên là hình thái giản đơn, ngẫu nhiên của giá trị

Thứ hai là hình thái đầy đủ hay mở rộng của giá trị

Thứ ba Hình thái chung của giá trị.

Thứ tư hình thái tiền.

Như vậy, tiền ra đời là kết quả phát triển lâu dài của sản xuất và trao đổi hàng hoá.

\* Bản chất của tiền

Tiền là một loại hàng hoá đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả các loại hàng hoá. Nó là sự thể hiện chung của giá trị, đồng thời nó biểu hiện quan hệ sản xuất giữa những người sản xuất hàng hoá.

\* Tiền có 5 chức năng.

- Thước đo giá trị

- Phương tiện lưu thông

- Phương tiện thanh toán

- Phương tiện cất trữ

- Tiền tệ thế giới

***Câu 6:*** **Phân tích nội dung (yêu cầu), tác dụng của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hoá giản đơn.? Ý nghĩa của vấn đề này đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay?**

\*Nội dung: Quy luật giá trị là quy luật giá trị cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá. Quy luật giá trị yêu cầu sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở giá trị hàng hoá của nó, tức là trên cơ sở hao phí lao động XH cần thiết.

\* Yêu cầu

-Trong sản xuất

- Trong trao đổi

\*Tác động của quy luật giá trị

Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá

Quy luật giá trị cũng kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng xuất lao động, hạ giá thành sản phẩm...

Tự phát phân hoá người sản xuất ra thành người giàu và người nghèo.

\* Ý nghĩa của vấn đề này đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay?

**-** Cần nhận thức sự tồn tại khách quan và phạm vi hoạt động rộng lớn, lâu dài của qui luật giá trị trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta hiện nay

- Vận dụng tốt cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước để phát huy vai trò tích cực của cơ chế thị trường và hạn chế mặt tiêu cực của nó để thúc đấyr sản xuất phát triển, đảm bảo công bằng xã hội

***Câu 7:*** **Thế nào là thị trường? Mối quan hệ giữa phân công lao động XH với thị trường. Phân tích các chức năng của thị trường.**

\* Thị trường

- Thị trường theo nghĩa hẹp

- Thị trường theo nghĩa rộng

\* Mối quan hệ giữa phân công lao động và thị trường

Phân công lao động XH góp phần tạo ra thị trường.

Mặt khác, thị trường cũng làm cho phân công lao động XH ngày càng sâu sắc hơn.

\* Dù thị trường có nhiều loại khác nhau nhưng nhìn chung thị trường thực hiện ba chức năng chủ yếu sau:

Chức năng thừa nhận công dụng XH của hàng hoá (giá trị sử dụng XH) và lao động đã chi phí để sản xuất ra nó.

Hai là chức năng cung cấp thông tin cho người sản xuất và tiêu dùng về cơ cấu hàng hoá, giá cả, chất lượng...

Ba là chức năng kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

***Câu 8:*** **Cạnh tranh là gì? Tại sao cạnh tranh là quy luật kinh tế của sản xuất hàng hoá? Những tác động tích cực và tiêu cực của cạnh tranh?**

\* Khái niệm: Cạnh tranh

\* Cạnh tranh là một quy luật kinh tế của sản xuất hàng hoá bởi thực chất nó xuất phát từ quy luật giá trị của sản xuất hàng hoá.

\* Những tác động tích cực và tiêu cực của cạnh tranh

Tích cực

- Là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Nó buộc người sản xuất phải năng động, nhạy bén, tích cực nâng cao tay nghề, cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật, hoàn thiện tổ chức quản lý để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế.

- Ở đâu thiếu cạnh tranh hoặc có biểu hiện độc quyền thì thường trì trệ, kém phát triển.

- Tiêu cực(1,5đ) Những hành vi phạm đạo đức hay vi phạm pháp luật (buôn lậu, trốn thuế, tung tin phá hoại...) hoặc những hành vi cạnh tranh làm phân hoá giàu nghèo, tổn hại môi trường sinh thái.

***Câu 9:*** **Cung, cầu là gì? Quan hệ cung - cầu? Tại sao cung - cầu là quy luật kinh tế của sản xuất hàng hoá?**

\* KN Cầu, những yếu tố ảnh hưởng đến cầu

KN Cung, những yếu tố ảnh hưởng đến cung

\*Mối quan hệ Cung và cầu

- Cầu xác định khối lượng, cơ cấu của cung về hàng hoá

- Cung - cầu còn ảnh hưởng tới giá cả.

\* Cung - cầu cũng là quy luật kinh tế của sản xuất hàng hoá(1đ)

- Xuất phát từ quy luật giá trị của sản xuất hàng hoá. Sự phân công lao động XH đã dẫn đến nhu cầu mua bán, trao đổi, tức là phát sinh ra cung và cầu.

***Câu 10:* Phân tích quy luật lưu thông tiền tệ? Mối quan hệ giữa quy luật với vấn đề lạm phát?**

* Nội dung Quy luật lưu thông tiền tệ là quy luật quy định số lượng tiền cần cho lưu thông hàng hóa ở mỗi thời kỳ nhất định.
* Phương tiện lưu thông, thì số lượng tiền cần thiết cho lưu thông được tính theo công thức

M= P.Q

V

Trong đó:

M: là phương tiện cần thiết cho lưu thông

P: là mức giá cả

Q: là khối lương hàng hóa đem ra lưu thông

V: là số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ

* Khi tiền thực hiện cả chức năng phương tiện thanh toán thì số lượng cần thiết cho lưu thông được xác định như sau:

\*Lạm phát

- KN Lạm phát

- Nguyên nhân

- Biểu hiện

- Tác động

- Biện pháp.

**CHƯƠNG 3 GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG**

1. **Vì sao K.Marx gọi T – H – T’ là công thức chung của tư bản?. Phân tích mâu thuẫn công thức chung. Vì sao nghiên cứu hàng hóa sức lao động là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời (đại ý)** |
| **Vì sao T – H – T’ là công thức chung của tư bản** | Khi gạt bỏ những ngành nghề, lĩnh vực cụ thể. Các nhà tư bản có điểm chung là bỏ ra số tiền ban đầu (T), mục đích là thu về số tiền lớn hơn (T’). Marx nói rằng: mọi tư bản đều vận động bởi công thức chung đó nên gọi là công thức chung của TB |
| **Phân tích mâu thuẫn công thức chung** | Ở chương 2 (hàng hóa, thị trường) các nhà tư sản cổ điển và K. Marx chứng minh rằng, giá trị hàng hóa được tạo ra ở sản xuất (do lao động xã hội của người SX hàng hóa kết tinh trong hàng hóa). Những người Trọng thương cho rằng giá trị hàng hóa được tạo ta trong lĩnh vực lưu thông. Đó là mâu thuẫn công thức chung của tư bản. |
| **Vì sao nghiên cứu hàng hóa SLĐ là chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản** | Công thức **T – H – T’** ẩn chứa cả sản xuất và lưu thông  TLSX  T - H ….SX ….. H’ – T’  SLĐ  Lưu thông Sản xuất Lưu thông  mua hàng bán hàng  Sức lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể đang sống, được con người đem ra vận dụng khi sản xuất 1 giá trị sử dụng nào đó. Hàng hóa sức lao động có tính chất đặc biệt là nó tạo ra giá trị lớn hơn giá trị bản than nó. Giá trị nó tạo ra nằm ở sản xuất, và lưu thông (mua hàng, bán hàng) là điều kiện cần để giá trị được thực hiện mà thôi |

1. **Tư bản là gì? Thế nào là nhà tư bản?. Theo Karl Marx, nhà tư bản khác với tiểu tư sản ở điểm nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời (Đại ý)** |
| * **Tư bản là gì?** | * Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư. * Giá trị luôn chuyển từ hình thái này sang hình thái khác (hình thái tiền và hình thái hàng hóa, nếu không mang hình thái hàng hóa, tiền không trở thành tư bản được) |
| * **Thế nào là nhà tư bản?** | Có 2 điều kiện hợp thành nhà tư bản:  (1): **người chủ tiền công thức T – H – T’**  (2): **không tham gia trực tiếp vào quá trình SX.** Nhà TB dành toàn bộ thời gian cho việc tập hợp, chỉ huy và kiểm soát lao động đang hoạt động |
| * **Nhà tư bản khác với tiêu tư sản điểm nào?** | * Tiểu tư sản cũng là người chủ tiền công thức T – H – T’ nhưng là người tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất. Quy mô tiểu tư sản nhỏ bé, quy mô nhà tư bản to lớn |

1. **Giá trị thặng dư TBCN là gì? Nguồn gốc giá trị thặng dư theo K. Marx? Biểu hiện của giá trị thặng dư trong CNTB?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời (Đại ý)** |
| * **Giá trị thặng dư TBCN là gì?** | * Giá trị thặng dư TBCN là một bộ phận của giá trị mới, dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và thuộc về nhà tư bản (Tư bản không hề phát minh ra giá trị thặng dư) |
| * **Nguồn gốc của giá trị thặng dư theo K. Marx** | * Lao động làm thuê là nguồn gốc duy nhất tạo ra giá trị thặng dư (Công sức nhà tư bản, máy móc… không tạo ra giá trị thặng dư) |
| * **Biểu hiện của giá trị thặng dư trong CNTB** | **Biểu hiện GTTD**  **Lợi nhuận Lợi tức Địa tô**  **Kết quả Kết quả kết quả**  **SX – KD cho vay cho thuê** |

1. **Tiền công là gì? Tại sao tiền công không phải là giá cả của lao động? Vì sao tiền công xóa bỏ mọi vết tích phân chia lao động trả công và lao động không công?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời (đại ý)** |
| **Tiền công là gì?** | Tiền công là giá cả hay giá trị của sức lao động |
| **Tại sao tiền công không phải là giá cả của lao động?** | **Người LĐ**  **NLĐ vận dụng SLĐ để SX**  **SLĐ tồn tại trong người LĐ**  **LĐ**  **Tiêu dùng SLĐ là lao động**  Lao động chỉ là quá trình tiêu dùng sức lao động. Sức lao động tồn tại trong người lao động. Người lao động vận dụng sức lao động để sản xuất gọi là lao động. Vậy tiền công là giá cả (giá trị) của hàng hóa sức lao động chứ không phải là giá cả của lao động |
| **Vì sao tiền công xóa bỏ mọi vết tích phân chia lao động trả công và lao động không công** | Nhà tư bản (chủ tiền) trên thị trường giao dịch với người lao động (chủ sức lao động)  **Mua - bán SLĐ**  **Người lao động**  **Bắt người LĐ phải LĐ**  **tạo ra sản phẩm cho nhà TB**  **Lao động (tiêu dùng SLĐ).** Người ta nhầm tưởng tiền công là giá cả của lao động. Nó được thể hiện ra là toàn bộ lao động được trả công, xóa bỏ mọi vết tích phân chia lao động trả công và lao động không công |

1. **Tuần hoàn, chu chuyển tư bản là gì? Tốc độ chu chuyển tư bản và Ý nghĩa của việc nghiên cứu chu chuyển tư bản?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời (Đại ý)** |
| **Tuần hoàn tư bản** | Là sự vận động của TB trải qua ba giai đoạn, lần lượt mang ba hình thái khác nhau, thực hiện 3 chức năng khác nhau rồi quay lại hình thái ban đầu có kèm theo giá trị thặng dư.  **TLSX**  **T - H … SX … H’ - T’**  **SLĐ**  **GĐ1: Lưu thông**  **GĐ3: Lưu thông**  **GĐ2: Sản xuất**  **Tư bản tiền tệ Tư bản sản xuất Tư bản hàng hóa** |
| **Chu chuyển tư bản** | Là quá trình tuần hoàn tư bản lặp đi lặp lại không ngừng.  Thời gian chu chuyển = thời gian SX + thời gian lưu thông |
| **Tốc độ chu chuyển tư bản và Ý nghĩa việc nghiên cứu chu chuyển tư bản (** | * **Tốc độ chu chuyển:** là số vòng (lần) chu chuyển tư bản trong 1 năm (1,5 đ)   **n: số vòng chu chuyển**  **CH: thời gian trong năm**  **ch: thời gian cho 1 vòng chu chuyển**   * Nghiên cứu chu chuyển tư bản có ý nghĩa quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Tốc độ chu chuyển càng lớn thì lợi nhuận nhà tư bản thu được càng nhiều. (1 đ) |

1. **Tư bản bất biến, tư bản khả biến là gì? Mối quan hệ giữa tư bản bất biến, tư bản khả biến với tư bản cố định, tư bản lưu động. Ý nghĩa của việc nghiên cứu các cặp tư bản trên.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời (đại ý)** |
| **Tư bản bất biến, tư bản khả biến là gì?** | * Tư bản bất biến là bộ phận tư bản biến thành TLSX, không thay đổi đại lượng giá trị của nó trong quá trình sản xuất (ký hiệu là c) (1đ) * Tư bản khả biến là bộ phận tư bản biến thành SLĐ lại thay đổi giá trị của nó trong quá trình sản xuất (v) (1đ) |
| **Mối quan hệ giữa TBBB, TBKB với TBCĐ và TBLĐ** | Tư bản bất biến (c) = Máy móc thiết bị, nhà xưởng (c1) + nguyên, nhiên liệu… (c2)  Như vậy:   * Tư bản bất biến: c * Tư bản khả biến: v * Tư bản cố định: c1 * Tư bản lưu động: c2+v |
| **Ý nghĩa của việc nghiên cứu các cặp TB trên. (** | * Nghiên cứu tư bản bất biến và tư bản khả biến có ý nghĩa về việc tìm ra nguồn gốc của giá trị thặng dư * Nghiên cứu về tư bản cố định và tư bản lưu động có ý nghĩa về việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doan |

1. **Phân tích hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư. Tại sao K. Marx nói rằng giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời (đại ý)** |
| **Phân tích hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư** | * **Phương pháp SX giá trị thặng dư tuyệt đối:** là phương pháp được thực hiện trên cơ sở kéo dài tuyệt đối ngày lao động của công nhân trong điều kiện thời gian lao động cần thiết không đổi. (1,25)   **Thời gian LĐ thặng dư (6h)**  **Thời gian LĐ tất yếu (6h)**   * **Phương pháp sản xuất GTTD tương đối:** được thực hiện bằng cách rút ngắn thời gian lao động cần thiết lại để kéo dài một cách tương ứng thời gian lao động thặng dư trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội trong điều kiện độ dài ngày lao động không đổi (1,25)   **TG lao động thặng dư (5h)**  **TG lao động tất yếu 3h** |
| **Giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của GTTD tương đối (** | * **Giá trị thặng dư siêu ngạch:** là phần GTTD thu được do tăng NSLĐ cá biệt, làm cho giá trị hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường của nó **(1 đ).** * K. Marx gọi GTTD siêu ngạch là hình thức biến tướng của GTTD tương đối vì cùng dựa trên cơ sở tăng NSLĐ, tuy nhiên có một số điểm khác biệt:  |  |  | | --- | --- | | **GTTD siêu ngạch** | **GTTD tương đối** | | * Tăng NSLĐ cá biệt | * Tăng NSLĐ xã hội | | * Nhà TB cá biệt thu được | * Giai cấp TB thu được | | * Quan hệ nhà TB với công nhân | * Quan hệ giai cấp TB với giai cấp công nhân | |

1. **Tích lũy tư bản là gì? Phân tích những nhân tố làm tăng quy mô tích lũy và hệ quả của nó?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án (đại ý)** |
| **Tích lũy tư bản là gì?** | * Tích lũy tư bản là chuyển hóa một phần giá trị thặng dư thành tư bản (tư bản phụ thêm)   GTTD = Phần để tiêu dung + phần để tích lũy (0,5) |
| **Những nhân tố làm tăng quy mô tích lũy (2,0 đ)** | * Những nhân tố làm tăng quy mô tích lũy (phân tích)   + Nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư (0,5)  + Tăng năng suất lao động (0,5)  + Sử dụng hiệu quả máy móc (0,5)  + Đại lượng tư bản ứng trước (0,5) |
| **Hệ quả của tích lũy tư bản (1,5 đ)** | * Làm tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản (0,5) * Làm tăng tích tụ và tập trung tư bản (0,5) * Làm tăng chênh lệch thu nhập giữa nhà tư bản và người lao động (0,5) |

**Câu 9: Chi phí sản xuất TBCN khác với chi phí thực tế như thế nào? So sánh lợi nhuận và giá trị thặng dư?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án (Đại ý)** |
| **Chi phí SX TBCN khác với chi phí thực tế như thế nào? (** | * **Chi phí SX TBCN** là chi phí về tư bản bất biến (c ) và tư bản khả biến (v) mà nhà tư bản bỏ ra để sản xuất hang hóa. Chi phí sản xuất TBCN (k): k = c+v (1đ) * **Chi phí thực tế (**G): G = c + v +m   **Về chất**: chi phí SX tư bản chủ nghĩa nhằm thu được m. Chi phí thực tế là chi phí nhằm xác định giá trị hàng hóa. (0,5)  **Về mặt lượng**: chi phí SX TBCN nhỏ hơn chi phí thực tế. ( |
| **So sánh lợi nhuận và giá trị thặng dư** | So sánh Lợi nhuận và giá trị thặng dư:   * **Lợi nhuận**: là số tiền lời mà nhà tư bản thu được sau khi bán hang hóa do có sự chênh lệch giữa giá trị hang hóa và chi phí sản xuất TBCN  |  |  | | --- | --- | | **Về mặt chất** | **Về mặt lượng** | | m và p là một, vì có chung nguồn gốc là lao động tạo ra. P là hình thái thần bí của m. P phản ảnh sai lệch quan hệ SX TBCN vì nhầm tưởng là (c+v) tạo ra chứ không phải do m | Tổng p = tổng m, tuy nhiên p và m thường không bằng nhau do quan hệ cung cầu quyết định.   * Khi p>m (cung<cầu) * Khi p = m (cung = cầu) * Khi p<m (cung>cầu) | |

**Câu 10. Địa tô TBCN là gì? Địa tô TBCN khác địa tô phong kiến như thế nào? Trình bày các loại địa tô TBCN.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Trả lời (đại ý)** |
| **Địa tô TBCN là gì?** | * Địa tô TBCN là phần giá trị thặng dư còn lại sau khi đã khấu trừ lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản kinh doanh trong nông nghiệp phải trả cho địa chủ   **GTTD do công nhân NN tạo ra** **= LN BQ + Địa tô TBCN** |
| **Địa tô TBCN khác với địa tô phong kiến như thế nào** | * **Địa tô phong kiến** phản ánh quan hệ SX giữa 2 giai cấp: Địa chủ và nông nô. * **Địa tô TBCN** phản ánh QHSX giữa 3 giai cấp: Địa chủ (sở hữu ruộng đất); nhà TB kinh doanh nông nghiệp và công nhân nông nghiệp. * Địa tô TBCN nhỏ hơn địa tô phong kiến |
| **Các loại địa tô TBCN** | **Địa tô TBCN = địa tô chênh lệch + địa tô tuyệt đối.**   * **Địa tô tuyệt đối:** là địa tô mà đia chủ thu được trên mảnh đất cho thuê, không kể độ màu mỡ tự nhiên thuận lợi hay thâm canh. ( * **Địa tô chênh lệch**: là địa tô thu được trên những ruộng đát có lợi thế về điều kiện sản xuất. 0,5)   + Địa tô chênh lệch 1: thu được trên ruộng đất có độ màu mỡ đất đai tốt hơn, vị trí thuận lợi hơn.  + Địa tô chênh lệch 2: thu được do thâm canh.   * **Độc quyền kinh doanh ruộng đất sinh ra địa tô chênh lệch, độc quyền tư hữu ruộng đất sinh ra địa tô tuyệt đối. (0,5)** |

**CHƯƠNG 5**

**Khái niệm kinh tế thị trường ? Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ? Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.**

***1.Khái niệm kinh tế thị trường:***

- Theo nghĩa hẹp: thị trường là nơi diễn ra hành vi trao đổi, mua bán hàng hóa giữa các chủ thể với nhau .

- Theo nghĩa rộng: thị trường là tổng hòa các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán hàng hóa trong xã hội, được hình thành do những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội nhất định.

***2. Khái niệm kinh tế thị trường* *định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam* .**

- Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “ Dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

***3.Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam.***

***-*** Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN là phù hợp với tính quy luật phát triển khách quan, thúc đẩy phát triển không ngừng đời sống vật chất tinh thần cho toàn xã hội.

- Kinh tế thị trường định hướng XHCN phù hợp với nguyện vọng của nhân dân mong muốn : dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**Những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ? Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.**

***1. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam:***

a.Mục tiêu:

- Phát triển phương thức để PT LLSX, XD cơ sở vật chất, kỹ thuật.

- Thực hiện: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

b. Quan hệ sở hữu:

1. Quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất và tái sản xuất, có nhiều quan hệ sở hữu, nhiều thành phần kinh tế.

2. Quan hệ quản lý nền kinh tế .

- ĐCSVN lãnh đạo, nhà nước pháp quyền XHCN quản lý bằng pháp luật.

- Quan hệ phân phối: Nhiều hình thức phân phối: phân phối theo lao động, theo hiệu quả kinh tế, theo đóng góp các nguồn lực, tăng trưởng kinh tế gắn với công bằng xã hội.

***2. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam.***

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN.

- Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

- Hoàn thiện thể chế để đảm bảo gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội.

- Hoàn thiện thể chế thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hoàn thiện thể chế nâng cao năng lực hệ thống chính trị.

**Khái niệm lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích kinh tế ?. Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế?.**

***1.Khái niệm lợi ích kinh tế :***

- Lợi ích là sự thỏa mãn nhu cầu của con người mà sự thỏa mãn nhu cầu này phải được nhận thức và đặt trong mối quan hệ xã hội ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội đó.

- Về bản chất: lợi ích kinh tế phản ánh mục đích và động cơ của các quan hệ giữa các chủ thể trong nền sản xuất xã hội.

**-** Lợi ích kinh tế là lợi ích vật chất, thu được khi thực hiện hoạt động kinh tế của con người.

***2.Khái niệm quan hệ lợi ích kinh tế:***

*-* Quan hệ lợi ích kinh tế là sự thiết lập những tương tác giữa con người với con người, giữa các cộng đồng người, giữa các tổ chức kinh tế, giữa các bộ phận hợp thành nền kinh tế, giữa con người với tổ chức kinh tế, giữa quốc gia với phần còn lại của thế giới nhằm mục tiêu xác lập các lợi ích kinh tế trong mối liên hệ với trình độ phát triển của LLSX và kiến trúc thượng tầng tương ứng với một giai đoạn phát triển xã hội nhất định.

***3.Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế:***

- Trình độ phát triển LLSX Số lượng và chất lượng hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu vật chất của con người.

- Địa vị của chủ thể, Vị trí, vai trò của mỗi người, mỗi chủ thể tham gia vào quá trình phân chia lợi ích.

- Chính sách PP thu nhập, thay đổi mức thu nhập và tương quan thu nhập của các chủ thể kinh tế: chính sách, công cụ.

- Hội nhập kinh tế Q.tế, gia tăng lợi ích kinh tế từ thương mại và đầu tư quốc tế…Hội nhập có tác động đa chiều .

**Các quan hệ lợi ích chủ yếu trong nền kinh tế thị trường ? Sự thống nhất và mâu thuẩn trong các quan hệ lợi ích kinh tế. Vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích**

***1.Các quan hệ lợi ích chủ yếu trong nền kinh tế thị trường:***

- Quan hệ lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động.

- Quan hệ lợi ích giữa những người sử dụng lao động.

- Quan hệ lợi ích giữa người lao động.

- Quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích xã hội .

***2. Sự thống nhất và mâu thuẩn giữa các lợi ích kinh tế:***

***-*** Sự thống nhất: một chủ thể có thể trở thành bộ phận của thành của chủ thể khác.

***-*** Mâu thuẩn:

+Vì lợi ích riêng.

+Tăng của người này giảm người khác..

**3.Vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các lợi ích kinh tế: :**

- Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế.

- Điều hòa lợi ích giữa cá nhân – DN – xã hội.

- Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội.

- Giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế.

**Thể chế kinh tế ? Một số hạn chế trong thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ?. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN?.**

**1.Khái niệm thể chế kinh tế kinh tế:**

- Thể chế kinh tế kinh tế là hệ thống quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế.

**2.Một số hạn chế trong thể chế KTTTđịnh hướng XHCN ở VN:**

- Hoàn thiện thể chế còn chậm, một số quy định pháp luật, cơ chế, chính sách chồng chéo, mâu thuẩn, thiếu ổn định , nhất quán, không tạo ra đột phá trong huy động.

- Hiệu quả hoạt động của các loại hình doanh nghiệp hạn chế. Việc tiếp cận các nguồn vốn xã hội chưa bình đẵng giữa các loại hình doanh nghiệp. VD: DN Nhà nước, DN tư nhân.

- Môi trường đầu tư chưa thông thoáng, minh bạch, chưa đảm bảo thực hiện tiến bộ, công bằng XH.

- Quản lý nhà nước chưa đáp ứng kịp yêu cầu của KTTT và hội nhập quốc tế.

3. **Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN:**

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế.

- Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

- Hoàn thiện thể chế để đảm bảo gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội , nâng cao năng lực hệ thống chính trị.

- Hoàn thiện thể chế thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

**ĐÁP ÁN TỔNG QUÁT CHƯƠNG 6 – MÔN KTCT**

**1. Phân tích tính tất yếu khách quan của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam? Các tác động tích cực và tồn tại của hội nhập kinh tế quốc tế?**

*- Nêu khái niệm hội nhập KTQT*

*- Nêu và phân tích tính tất yếu khách quan của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế gồm 2 vấn đề*

*- Phân tích các tác động tích cực*

*- Phân tích những tồn tại, hạn chế*

*- Chữ đẹp, gọn gàng, trình bày có sáng tạo so với giáo trình*

**2. Phân tích các mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu trên thế giới? Liên hệ trường hợp của Việt Nam hiện nay?**

*- Khái niệm CNH*

*- Nêu và phân tích đúng, đủ 3 mô hình cổ điển, Nhật, Liên Xô (củ)*

*- Liên hệ thực tiễn VN): SV cần nêu các giai đoạn cụ thể của VN và việc vận dụng các mô hình CMCN giai đoạn:*

*+Từ 1975 đến 1986*

*+Từ 1986 đến nay*

*+Hiện nay và các vấn đề dự báo*

**3. Thế nào là cách mạng công nghiệp? Trình bày và phân tích các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới đã diễn ra trong lịch sử nhân loại? Liên hệ với VN hiện nay trong phát triển kinh tế xã hội**

*- Khái niệm CMCN*

*- Nêu đủ, đúng 4 cuộc CMCN: lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư*

*- Phân tích đúng hướng*

*- Liên hệ thực tiễn VN*

**4. Phân tích vai trò của cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển? Anh/chị hiểu gì về cuộc CMCN lần thứ tư (CMCN 4.0) hiện đang diễn ra trên thế giới và VN?**

**-** *Khái niệm CMCN*

*- Nêu đúng, đủ 3 vai trò*

*- Phân tích đúng hướng 3 vai trò*

*- Giới thiệu chung về CMCN 4.0 và tình hình vận dụng tại VN vào đời sống xã hội*

**5. Nội dung và tác động của hội nhập KTQT đến sự phát triển của Việt Nam? Nêu và trình bày sơ bộ về các tổ chức quốc tế mà VN đã gia nhập?**

*- Khái niệm KTQT*

*- Phân tích các nội dung của hội nhập KTQT*

*- Phân tích các tác động (tích cực và hạn chế) đến sự phát triển*

*- Nêu và trình bày sơ lược các tổ chức (ASSEAN, WTO, AFTA, ASEM, APEC) về việc hình thành, năm VN gia nhập, chức năng của tổ chức…*

**6. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là gì ? Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa? Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã ảnh hưởng như thế nào đến đời sống xã hội ở VN?**

*- Khái niệm CNH,HĐH*

*- Nêu, phân tích đúng theo tinh thần của giáo trình: quan điểm của Đảng về CNH,HĐH*

*- Nêu và phân tích các tác động tích cực và các tồn tại của quá trình CNH, HĐH đối với kinh tế, xã hội tại VN*

**7. Phân tích các giải pháp và phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam?**

*- Nêu khái niệm KTQT*

*- Nêu và phân tích các phương hướng (6 vấn đề)*

*- Chữ đẹp, sạch sẽ và có sáng tạo*

**8. Phân tích các nội dung của** **hội nhập kinh tế quốc tế? anh/chị hãy nêu sự khác biệt của hội nhập kinh tế quốc tế và hội nhập quốc tế?**

*- Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế*

*- Phân tích các nội dung hội nhập kinh tế quốc tế*

*- So sánh hai nội dung hội nhập kinh tế quốc tế và hội nhập quốc tế*

**9. Tại sao Việt Nam phải tiến hành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa? Các ảnh hưởng của nó đến thị trường lao động trong nước?**

- Khái niệm CNH, HĐH

- Nêu được tính tất yếu của việc phải tiến hành CNH,HĐH ở VN

- Nêu được các ý sau về ảnh hưởng đến thị trường lao động trong nước

**\* CNH,HĐH làm cho:**

*+ LLSX phát triển, gia tăng của cải XH;*

*+ Máy móc thay thế lao động thủ công, con người đối mặt với thất nghiệp;*

*+ Con người cần trang bị kiến thức cao để tiếp nhận KHKT, lao động giản đơn sẽ dư thừa, lao động có trình độ cao được trọng dụng.*

*+ Người lao động cần tự chuẩn bị bằng cách tự học hỏi để nâng cao, dẫn đến việc hình thành đội ngũ kinh tế tri thức.*

**10. Phân tích quan điểm** **của Đảng CSVN và biện pháp xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế?**

- Khái niệm nền kinh tế độc lập tự chủ

- Nêu và phân tích quan điểm của Đảng CSVN về xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế (4đ), gồm 2 ý:

*+ Thứ nhất: độc lập về đường lối phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết cho xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ*

*+ Thứ hai: độc lập, tự chủ phải đi đôi với với tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế*

*- Biện pháp xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế , gồm 5 ý theo giáo trình KTCT nâng cao*